

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH N**

**CỘNG TH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 10/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG TH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Trâm- Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đào Nhã Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

TRẦN TH, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 tại N. Nơi ĐKNKTT: Khu phố 2, phường V, thành phố P, tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T và bà Nguyễn Thị H; Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 25 tháng 11 năm 2019, Trưởng Công an Phường V xử phạt 1.500.000 đồng do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Lê V, sinh năm: 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Phùng S, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố 11, phường Văn Hải, thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 31/12/2019, TRẦN TH là đối tượng đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, điều khiển xe đạp hiệu M, màu trắng chạy ngang qua nhà ông Lê V thì nhìn thấy cửa gian nhà để xe không đóng và có 01 chiếc xe đạp điện nên TH nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy của xe đạp điện bán lấy tiền tiêu xài. TH dựng xe ngoài đường, leo qua hàng rào lưới B40 đi vào trong nhà, dùng tay tháo trong xe đạp điện lấy 01 hộp bình ắc quy, màu đen (kích thước 50 x 20cm), bên trong có chứa 04 bình sạc hiệu SCB loại 12V rồi theo lối cũ đi ra chỗ để xe. Khi vừa đặt bình ắc quy trộm cắp được vào giỏ xe đạp thì bị ông Phùng S là hàng xóm của ông V phát hiện, tri hô, rượt đuổi nên TH bỏ lại bình ắc quy và xe đạp rồi tẩu thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05 ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, xác định: 01 bình ắc quy, màu đen (kích thước 50 x 20cm), bên trong có chứa 4 bình sạc hiệu SCB loại 12V, trị giá: 1.800.000 đồng.

Cáo trạng số 40/QĐ-VKSPR ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo TRẦN TH về “*tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không tranh luận. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo TRẦN TH thừa nhận: Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 bình ắc quy, màu đen (kích thước 50 x 20cm), bên trong có chứa 4 bình sạc hiệu SCB loại

12V, trị giá: 1.800.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25 tháng 11 năm 2019, vì vậy, cáo trạng số 40/QĐ-VKSPR ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về “*tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần phải xử lý nghiêm khắc.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê V 01 bình ắc quy, màu đen (kích thước 50 x 20cm), bên trong có chứa 04 bình sạc hiệu SCB loại 12Y là có căn cứ. Hiện ông V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 01 xe đạp hiệu M màu trắng, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của TRẦN TH, đây là phương tiện TH sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo TRẦN TH phạm “*tội trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 173, điểm h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: *Bị cáo TRẦN TH 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.*

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe đạp hiệu M màu trắng đã qua sử dụng, vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TPP;
- VKSND TP.P;
- Công an tp. P;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Kiều Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tuấn

Trần Hoàng Liên

Ninh Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Lê Anh Thư Trần Quốc Huy

Ninh Thị Kiều Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8

tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2

Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

